

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 978 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 26 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 12/7/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán nhiệm vụ Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0;

Căn cứ văn bản số 595/THH-CSCNTT ngày 14/4/2022 của Cục Tin học hóa – Bộ Thông tin và Truyền thông về góp ý kiến dự thảo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 58/TTr-STTTT ngày 16/5/2022 ngày 06/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Lê Đoài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH NAM ĐỊNH,
PHIÊN BẢN 2.0**

(Kèm theo Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh)

1. Mục tiêu

- Tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin;
- Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của cơ quan nhà nước tại tỉnh Nam Định;
- Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại tỉnh Nam Định;
- Tạo cơ sở xác định các thành phần, hệ thống CNTT cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm triển khai Chính phủ điện tử tại Việt Nam.

2. Tầm nhìn, định hướng phát triển CQĐT

- Tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, dùng chung các tài nguyên CNTT trong nội bộ tỉnh và giữa tỉnh với các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trên phạm vi toàn quốc; hướng tới tiết kiệm chi phí, thời gian trong hoạt động nội bộ của tỉnh, cung cấp hiệu quả các dịch vụ tích hợp cho người dân và doanh nghiệp, coi người dân và doanh nghiệp là trung tâm;
- Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư CNTT; hướng tới triển khai CQĐT của tỉnh đồng bộ, lộ trình phù hợp, hạn chế trùng lặp;
- Tăng cường khả năng chuẩn hóa, bảo đảm ATTT trong triển khai CQĐT.
- Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 là căn cứ để định hướng và xây dựng kế hoạch phát triển và lộ trình triển khai ứng dụng CNTT trong giai đoạn 2020-2025, hướng tới một hệ thống quản lý số toàn diện, hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của tỉnh;
- Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 định hướng về mặt nguyên tắc, thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư liên quan đến CNTT của tỉnh, hoàn chỉnh hạ tầng CNTT và truyền thông, ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động của các cơ quan đơn vị, tăng năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động, tiếp tục đơn giản hóa TTHC và nâng cao sự tiện lợi cho doanh nghiệp và người dân;

- Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 sẽ đảm bảo cách tiếp cận đầu tư CNTT phù hợp cho việc quản lý và kiểm soát các khoản đầu tư CNTT và cách sử dụng các nguồn tài nguyên, nhằm tránh đầu tư trùng lặp, tăng cường khả năng tích hợp, giúp các hệ thống CNTT của tỉnh liên thông kết nối với các hệ thống bên ngoài một cách an toàn;

- Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 là cơ sở quan trọng để tiếp tục tiến trình chuyển đổi sang chính phủ số và kiến toàn hệ thống CQĐT hiện có, ứng dụng CNTT rộng rãi và hiệu quả trong mọi hoạt động của các CQNN trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để phục vụ cải cách hành chính, triển khai ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO điện tử, nâng cao năng suất lao động, góp phần hiện đại hoá nền hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, đảm bảo an ninh mạng, ATTT.

3. Nguyên tắc xây dựng Kiến trúc CQĐT 2.0 tỉnh Nam Định

a) Phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan;

b) Phù hợp với định hướng, mục tiêu khai triển ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử của Quốc gia;

c) Phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của bộ, ngành, địa phương;

d) Bảo đảm việc đầu tư triển khai Chính phủ điện tử hiệu quả;

đ) Phù hợp với quy trình nghiệp vụ; thúc đẩy cải cách quy trình nghiệp vụ, hướng đến đơn giản hóa, chuẩn hóa;

e) Ưu tiên phát triển các dịch vụ, ứng dụng, nền tảng chung;

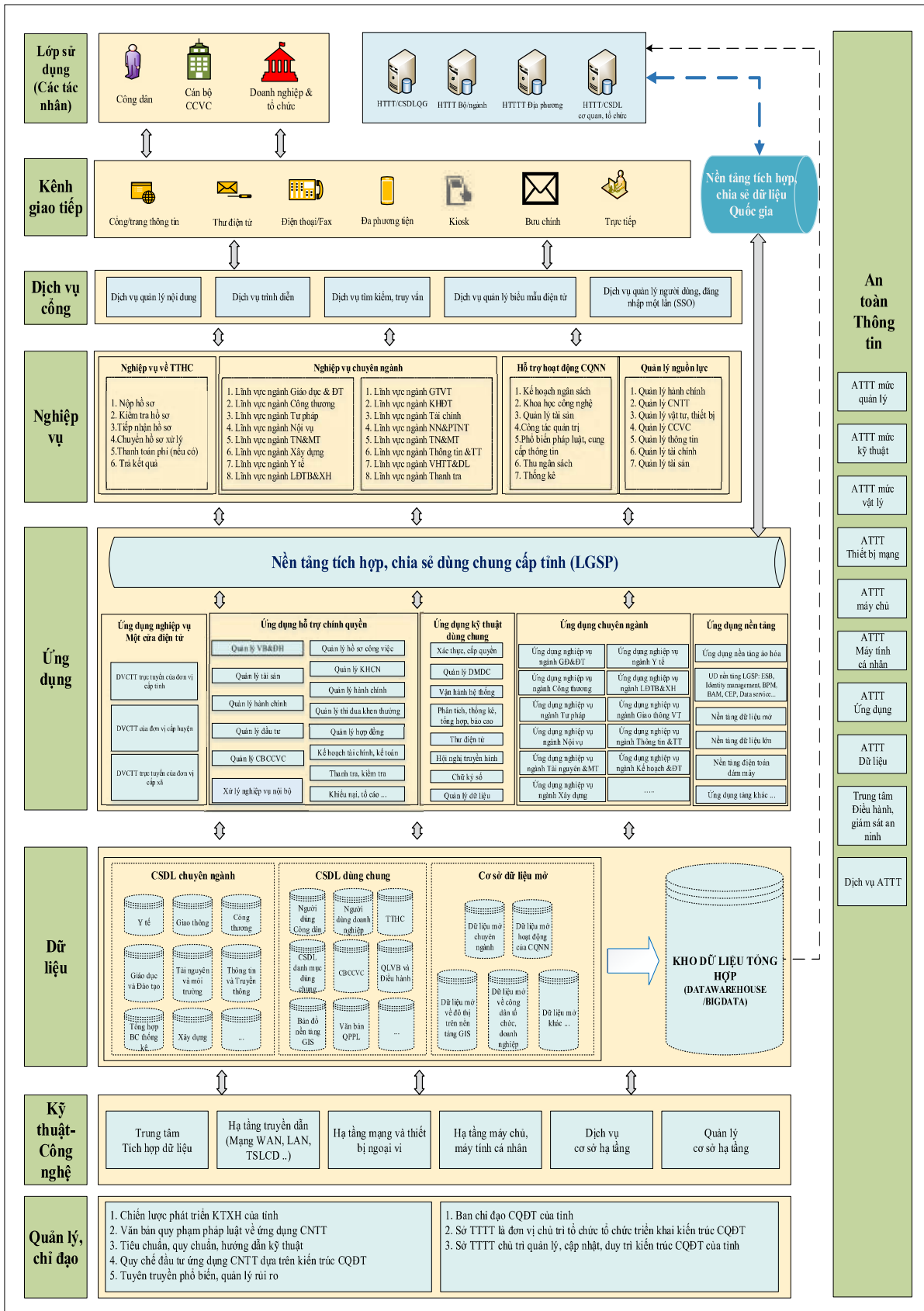
g) Áp dụng hiệu quả các công nghệ số mới; khai thác sử dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây theo lộ trình phù hợp;

h) Triển khai các giải pháp bảo mật, an toàn, an ninh thông tin ở mọi thành phần Kiến trúc Chính phủ điện tử theo nhu cầu và lộ trình phù hợp;

i) Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật về ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử của quốc gia, chuyên ngành.

4. Mô hình Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định

Trên cơ sở hướng dẫn Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông, sơ đồ tổng thể CQĐT phiên bản 2.0 tỉnh Nam Định được mô tả như hình vẽ sau:



Mô tả chi tiết các thành phần trong sơ đồ:

Tên thành phần	Mô tả thành phần
Lớp Người sử dụng (Các tác nhân)	<p>Có 2 nhóm người sử dụng chính:</p> <p>a) Nhóm người dân, doanh nghiệp là những cá nhân, tổ chức sử dụng các dịch vụ do tỉnh cung cấp như: Đọc, tra cứu thông tin trên cổng thông tin điện tử; tra cứu, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến do tỉnh cung cấp thông qua Cổng Dịch vụ công; sử dụng các dịch vụ khác mà tỉnh cung cấp cho người dân, doanh nghiệp.</p> <p>b) Nhóm cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống của tỉnh để giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; các nghiệp vụ nội bộ của tỉnh (tài chính, nhân sự) và các công việc được giao khác.</p>
Kênh giao tiếp	<p>Cung cấp các kênh giao tiếp, truy cập như sau để phục vụ người sử dụng nêu trên:</p> <p>a) Qua môi trường Internet: Cổng Dịch vụ công trực tuyến; Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Hệ thống xử lý nghiệp vụ; Hệ thống thông tin một cửa điện tử thông qua các thiết bị như: Máy tính; thiết bị di động; Kiosk tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và bộ phận một cửa cấp huyện.</p> <p>b) Ngoài môi trường Internet: Các kênh thoại, dịch vụ bưu chính công ích, SMS hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, bộ phận Một cửa.</p>
Dịch vụ công	<p>Cổng thông tin điện tử là thành phần đảm bảo cho người sử dụng có thể truy cập đến các thông tin trực tuyến và cũng là giao diện giữa người sử dụng với các dịch vụ CQĐT. Cổng thông tin điện tử cung cấp chức năng liên quan trực tiếp đến việc quản lý người sử dụng dịch vụ (cả nội bộ và bên ngoài), quản lý nghiệp vụ tương tác với người sử dụng. Thành phần này đảm bảo sự thống nhất quản lý về truy cập đến cả người sử dụng dịch vụ và các ứng dụng dịch vụ thông qua các kênh truy cập khác nhau.</p>
Nghiệp vụ	<p>(1) Thủ tục hành chính: Nghiệp vụ chung liên quan hầu hết đến các TTHC về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, xử lý thủ tục hành chính, trình và phê duyệt kết quả thủ tục hành chính.</p> <p>(2) Chuyên ngành: Nghiệp vụ theo các lĩnh vực chuyên ngành theo phạm vi, quyền hạn do Sở, Ban, ngành quản lý theo các lĩnh vực.</p> <p>(3) Hỗ trợ hoạt động của các CQNN: Nghiệp vụ hỗ trợ hoạt động của các cơ quan, đơn vị của tỉnh, gồm có: Kế hoạch và ngân sách; Khoa học và công nghệ; Quản lý tài sản; Công tác quản trị; Phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin; Thu ngân sách; Thống kê.</p> <p>(4) Quản lý nguồn lực: Nghiệp vụ hỗ trợ hoạt động của các cơ quan, đơn vị của tỉnh gồm có: Quản lý hành chính; Quản lý</p>

Tên thành phần	Mô tả thành phần
	CNTT; Quản lý dự trữ vật tư, thiết bị; Quản lý công chức, viên chức; Quản lý tài chính; Quản lý tài sản; Quản lý thông tin.
Dịch vụ công trực tuyến	Đây là những dịch vụ công trực tuyến mà CQNN cung cấp cho người dân và doanh nghiệp. Trong mô hình này bao gồm các dịch vụ cấp tỉnh do các sở, ban, ngành cung cấp.
Ứng dụng	<p>Thành phần này bao gồm các ứng dụng cần thiết cho hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Nam Định. Ứng dụng ở đây, được phân loại thành các ứng dụng nội bộ, các ứng dụng của tỉnh, các ứng dụng dùng chung cấp quốc gia, các ứng dụng phục vụ tổng hợp, báo cáo, các ứng dụng nền tảng.</p> <p>+ Ứng dụng một cửa điện tử: Ứng dụng hỗ trợ tiếp nhận, xử lý dịch vụ công tại các cơ quan, đơn vị các cấp.</p> <p>+ Ứng dụng nội bộ hỗ trợ chính quyền: Thành phần này bao gồm các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành, hỗ trợ các hoạt động trong nội bộ các CQNN tỉnh Nam Định. Một số ứng dụng tiêu biểu bao gồm: Quản lý tài sản; Quản lý văn bản và điều hành...</p> <p>+ Ứng dụng dùng chung cấp tỉnh: gồm các ứng dụng dùng chung trong tỉnh: Phân tích, tổng hợp báo cáo, thông kê; danh mục điện tử dùng chung; thư điện tử; hội nghị truyền hình, chữ ký số ... Các ứng dụng về tổng hợp và báo cáo thông tin về chuyên ngành, kinh tế-xã hội, cung cấp cho lãnh đạo nhằm hỗ trợ cho quy trình ra quyết định.</p> <p>+ Ứng dụng nghiệp vụ chuyên ngành: Các ứng dụng hỗ trợ giải quyết các nghiệp vụ thuộc chuyên ngành của các sở, ngành (Giáo dục, Y tế, Khoa học công nghệ, Nội vụ, Giao thông vận tải...)</p> <p>Thành phần này thể hiện các ứng dụng quy mô quốc gia.</p> <p>+ Các ứng dụng nền tảng: Các ứng dụng nền tảng ảo hóa, điện toán đám mây, nền tảng dữ liệu mở...</p> <p>+ Ứng dụng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Được sử dụng để hỗ trợ các ứng dụng lớp trên và CSDL. Đây là các dịch vụ có thể dùng chung, chia sẻ giữa các ứng dụng trong quy mô tỉnh, điều này làm giảm đầu tư trùng lặp, lãng phí, thiếu đồng bộ. Mặt khác, một trong các chức năng quan trọng của các dịch vụ nhóm này là để kết nối, liên thông, tích hợp các ứng dụng.</p> <p>LGSP đóng vai trò là nền tảng CNTT liên cơ quan cho các sở, ban, ngành, huyện và các CQNN trực thuộc tỉnh. Với nền tảng này, thông tin nghiệp vụ có thể được trao đổi theo chiều ngang và theo chiều dọc giữa các CQNN thuộc tỉnh và nền tảng LGSP sẽ là điểm trung gian để kết nối các dịch vụ trong tỉnh cũng như là đầu mối kết nối ra ngoài tỉnh.</p> <p>LGSP bao gồm các thành phần chính như hướng dẫn tại Văn</p>

Tên thành phần	Mô tả thành phần
	bản số số 631/THH-THHT ngày 21/5/2020 của Cục Tin học hóa hướng dẫn yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật của Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Tỉnh.
Dữ liệu	<p>Lớp dữ liệu gồm các loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> + CSDL chuyên ngành + CSDL danh mục dùng chung + CSDL mở <p>Các CSDL này được xây dựng trong quá trình phát triển CQĐT và được tổng hợp trong quá trình hoạt động hình thành lên Kho dữ liệu tổng hợp của tỉnh (Datawarehouse).</p> <p>Kho dữ liệu tổng hợp của tỉnh sẽ có 2 phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu với các khối CSDL quốc gia theo quy định tại điều 46 thuộc Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết nối qua các hệ thống trung gian: nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh theo Khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc chính phủ điện tử, chính quyền điện tử đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Kết nối trực tiếp giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khi các hệ thống trung gian chưa sẵn sàng hoặc cơ quan chủ quản các hệ thống trung gian xác định hệ thống trung gian không đáp ứng được yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu
Kỹ thuật-Công nghệ	<p>Thành phần này cung cấp phần cứng/phần mềm máy tính, mạng, thiết bị, an toàn thông tin, cơ sở vật chất để triển khai các ứng dụng CNTT. Bao gồm các thành phần chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiết bị phần cứng/phần mềm cho người dùng cuối: Bao gồm máy tính cá nhân, máy tính xách tay và thiết bị hỗ trợ cá nhân. + Cơ sở hạ tầng mạng bao gồm: Mạng diện rộng của tỉnh (WAN); Mạng cục bộ (LAN); Mạng riêng ảo (VPN); Kết nối Internet. + Trung tâm tích hợp dữ liệu, phòng máy chủ: Gồm các máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ, cáp mạng, nguồn điện, thiết bị làm mát, quản lý (môi trường, an ninh, vận hành). + Quản lý và giám sát dịch vụ: Thành phần này giúp cho các dịch vụ hoạt động thông suốt, hiệu quả và cũng giúp tăng tính sẵn sàng của toàn bộ hệ thống
An toàn thông tin	<ul style="list-style-type: none"> + An toàn thông tin: Là thành phần xuyên suốt, là điều kiện bảo đảm triển khai các thành phần của CQĐT cần được triển khai đồng bộ ở các cấp. Các nội dung chính về an toàn thông tin gồm: ATTT mức quản lý; ATTT mức vật lý; ATTT thiết bị mạng; ATTT máy chủ; ATTT ứng dụng; ATTT dữ liệu; Dịch vụ ATT; Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng (SOC).

Tên thành phần	Mô tả thành phần
Quản lý chỉ đạo	<p>Bao gồm công tác chỉ đạo, tổ chức, xây dựng các chính sách, các chuẩn, hướng dẫn, đào tạo, truyền thông để triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định.</p> <p>+ Chỉ đạo: Thể hiện ở việc thuyết phục được Lãnh đạo cấp cao tham gia chỉ đạo, điều phối sự phối hợp, giải quyết các xung đột, vấn đề phát sinh giữa các cơ quan trong tỉnh, đặc biệt là các dự án dùng chung cấp tỉnh;</p> <p>+ Tổ chức: Cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ các bên liên quan và quy trình để tổ chức triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Nam Định;</p> <p>+ Chính sách: Các chính sách, quy định, quy chế, tiêu chuẩn có tính đặc thù của tỉnh phục vụ việc triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Nam Định;</p> <p>+ Phổ biến, tuyên truyền: Thực hiện hướng dẫn, đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức của các cơ quan liên quan trong triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của Nam Định, đối tượng thụ hưởng của các dịch vụ, ứng dụng chính quyền điện tử của tỉnh Nam Định</p>

5. Lộ trình thực hiện Kiến trúc đến năm 2025

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.	Nâng cấp, mở rộng, duy trì (vận hành) các hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung	<p>1. Công Dịch vụ công và HTTT một cửa điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng nhu cầu kết nối, nhu cầu của người sử dụng - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng các quy định của pháp luật (khi có quy định mới) - Kết nối hệ thống thanh toán dịch vụ công trực tuyến - Kết nối hệ thống xử lý nghiệp vụ - Kết nối với LGSP/NGSP để khai thác, chia sẻ dữ liệu - Kết nối hệ thống giám sát CPĐT - Nâng cấp đáp ứng yêu cầu về mã định danh điện tử theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở ngành, UBND cấp huyện
2.		2. Hệ thống mạng văn phòng điện tử	- Sở Thông	- Văn phòng

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		<p>liên thông (Hệ thống QLVB & ĐH) Phát triển, bổ sung hệ thống quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp của các cơ quan khối Đảng, chính quyền đảm bảo chuẩn hóa, điện tử hóa các quy trình xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ văn thư, lưu trữ điện tử tại các cơ quan nhà nước của tỉnh theo các quy định mới được ban hành, theo chu kỳ công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Nâng cấp chức năng lưu trữ theo quy định về văn thư, lưu trữ, kết nối với lưu trữ cấp tỉnh - Nâng cấp các chức năng phục vụ gửi nhận liên thông theo yêu cầu của Chính phủ - Kết nối với LGSP/NGSP - Kết nối hệ thống giám sát CPĐT - Nâng cấp đáp ứng yêu cầu về mã định danh điện tử theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg - Mở rộng chức năng (các chức năng giao việc, theo dõi tiến độ, đánh giá mức độ hoàn thành công việc). 	<p>tin và Truyền thông; - Văn phòng Tỉnh ủy</p>	<p>UBND tỉnh; - Sở Nội vụ - Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
3.		<p>3. Duy trì nâng cấp hệ thống thư điện tử của tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Bảo đảm xử lý sự cố 	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính</p>
4.	<p>Phát triển ứng dụng, hệ thống</p>	<p>1. Hệ thống thông tin báo cáo của địa phương Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo để bảo đảm 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo tổng kê về kinh tế - xã hội, báo cáo ngành, lĩnh vực từ cấp xã đến cấp tỉnh phục vụ sự chỉ đạo, điều</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		<p>hành của tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung khối Đảng - chính quyền - tổ chức đoàn thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng nhu cầu kết nối, nhu cầu của người sử dụng - Kết nối với LGSP/NGSP, hệ thống báo cáo Chính phủ - Mở rộng phạm vi, nội dung báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ 		
5.		<p>2. Hệ thống họp và xử lý công việc trực tuyến (họp không giấy tờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Bảo đảm khả năng kết nối với hệ thống họp của Chính phủ (e-cabinet) 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố 	- Các sở, ban, ngành;
6.		<p>3. Xây dựng Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống 	Sở Thông tin và Truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành của tỉnh - UBND các huyện, thành phố - Các xã, phường, thị trấn
7.		<p>4. Xây dựng nền tảng ứng dụng di động cho cán bộ, công chức, viên</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan
8.		<p>3. Hệ thống xử lý nghiệp vụ, chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm phần cứng, phần mềm hệ thống xử lý nghiệp vụ - Xây dựng các nghiệp vụ khai thác dữ liệu từ các HTTT, CSDL của các bộ, ngành nhằm phục vụ giải quyết TTHC tại địa phương. - Kết nối với LGSP, NGSP tới các hệ thống nghiệp vụ của các bộ, ngành. - Liên thông, tích hợp với các hệ thống 	Sở Thông tin và Truyền thông	VP UBND, Trung tâm phục vụ HCC, Sở Tài chính, Sở KHĐT và các sở chuyên môn

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		thông tin cấp phép: xây dựng, đất đai, môi trường, du lịch...		
9.		4. Danh mục CSDL dùng chung - Phát triển hệ thống - Kết nối với LGSP/NGSP và Hệ thống Danh mục điện tử dùng chung quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan
10.		5. Xây dựng Nền tảng số, nền tảng hạ tầng chuyển đổi số - Triển khai Công dữ liệu của tỉnh, nền tảng dùng chung của các cơ quan nhà nước công bố hiện trạng thông tin về dữ liệu; kiểm kê dữ liệu, minh bạch về dữ liệu, chia sẻ các phương tiện, công cụ, kỹ năng để thực hiện mục tiêu phát triển hạ tầng dữ liệu CQĐT. Ứng dụng các công nghệ Data Analytics, Big Data, AI... để khai phá dữ liệu và tạo ra các chuỗi giá trị sử dụng mới cho tài nguyên dữ liệu. Cung cấp dữ liệu mở qua các APIs và giao diện khác - Kết nối với LGSP để lấy dữ liệu từ các hệ thống khác, phục vụ cung cấp dữ liệu trên Công	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở ngành, UBND cấp huyện
11.		6. Xây dựng ứng dụng số phục vụ công dân số và doanh nghiệp số - Xây dựng Cổng thông tin hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Trong đó triển khai thí điểm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới: ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong trả lời tự động (Chatbot) người dân, doanh nghiệp; áp dụng các công nghệ tiên tiến của cuộc CMCN 4.0 như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), đồng thời khai thác tối đa các cơ sở dữ liệu định danh sẵn có của bảo hiểm, thuế, ngân hàng, doanh nghiệp,... - Kết nối với LGSP để sử dụng các dịch vụ dùng chung của tỉnh - Tích hợp với các hệ thống giao việc, giao nhiệm vụ khác để theo dõi, quản lý.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp tỉnh, các sở

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
12.		7. Công thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố cáo, khiếu nại - Phát triển hệ thống; tích hợp với hệ thống phản ánh, kiến nghị Chính phủ. - Kết nối với LGSP để sử dụng các dịch vụ dùng chung của tỉnh - Tích hợp với các hệ thống giao việc, giao nhiệm vụ khác để theo dõi, quản lý.	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các cấp, các Sở
13.		8. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử - Phát triển hệ thống; tích hợp với hệ thống quản lý văn bản - Kết nối với LGSP để sử dụng các dịch vụ dùng chung của tỉnh và trao đổi dữ liệu.	Sở Nội vụ	Chi cục Văn thư lưu trữ, Các đơn vị liên quan
14.		9. Phát triển, triển khai ứng dụng phục vụ cho công dân số để cung cấp các tiện ích, dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân trên nền tảng thiết bị di động thông minh, tăng cường tương tác giữa người dân - doanh nghiệp - chính quyền, hướng tới xây dựng công dân số (thông tin từ chính quyền, quản lý thông tin cá nhân, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, trợ giúp y tế, giáo dục, du lịch, giao thông, đỗ xe, phản ánh hiện trường, việc làm số, an ninh trật tự, trợ lý ảo, trả lời tự động, thư viện,...)	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố
15.		10. Triển khai thí điểm Trợ lý ảo, trả lời tự động hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp cho các cán bộ, công chức, viên chức trong các CQNN sử dụng các công nghệ của CMCN 4.0.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND, Trung tâm phục vụ hành chính công; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
16.	Cơ sở dữ liệu	1. Xây dựng CSDL người sử dụng - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối với hệ thống đăng nhập 1 lần	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND, Trung tâm phục vụ hành

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		(SSO) - Kết nối với các hệ thống		chính công, Sở KHĐT, Sở TC
17.		2. Xây dựng CSDL cán bộ, công chức, viên chức - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối với hệ thống đăng nhập 1 lần (SSO) - Kết nối phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND, Sở TT&TT, Sở KHĐT, Sở TC
18.		3. Xây dựng, hình thành Cơ sở dữ liệu dùng chung và Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung - Thu thập, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu, hình thành Cơ sở dữ liệu dùng chung và Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh - Kết nối, thu thập dữ liệu chia sẻ mặc định từ các bộ, ngành, tỉnh thành khác - Kết nối, thu thập dữ liệu từ các nguồn dữ liệu trong tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan
19.		4. Xây dựng CSDL về thủ tục hành chính - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối, thống nhất về thủ tục (mã thủ tục, tên thủ tục, quy trình thực hiện...) với Cổng DVC và HTTT một cửa điện tử - Kết nối, thống nhất về thủ tục với Cổng DVC Quốc gia đối với các thủ tục cung cấp trên Cổng DVC Quốc gia - Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan
20.		5. Xây dựng các CSDL dùng chung (phân hệ tại địa phương) - Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý cấp tỉnh. - Xây dựng CSDL chuyên ngành của	Sở Tài nguyên và Môi trường; 09 ngành trọng tâm;	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		<p>tỉnh, ưu tiên các ngành trọng tâm ưu tiên chuyển đổi số hoàn thành trước năm 2025 (Y tế, Giáo dục, Du lịch, Đất đai, Giao thông, Công Thương, Tài chính, Tài nguyên môi trường, Xúc tiến đầu tư, Xây dựng...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối với các hệ thống trong tỉnh (qua LGSP) - Kết nối với các CSDL quốc gia, bộ/ngành (qua LGSP/NGSP) (Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm...) 	Sở Thông tin và Truyền thông	
21.		<p>6. Xây dựng các CSDL dùng chung khác (nội dung CSDL tạo lập theo Kiến trúc dữ liệu). Các CSDL dùng chung theo yêu cầu thực tế khi triển khai CPĐT hướng tới Chính phủ số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối với các hệ thống trong tỉnh (qua LGSP) - Kết nối với các CSDL quốc gia, bộ/ngành (qua LGSP/NGSP) 	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan
22.	LGSP	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục hoàn thiện xây dựng các phần mềm của LGSP - Xây dựng, nâng cấp API kết nối với NGSP và các HTTT, CSDL của các bộ - Xây dựng, nâng cấp các API kết nối với các hệ thống nội bộ nhằm đáp ứng nghiệp vụ - Mua sắm phần cứng (hoặc nâng cấp cấu hình đối với thuê dịch vụ) để bảo đảm hiệu năng và an toàn bảo mật - Triển khai kết nối quốc gia theo mô hình phân tán - Kết nối lấy dữ liệu phục vụ công tác quản lý và công tác báo cáo Chính phủ của địa phương. 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các cấp, Trung tâm Hành chính công
23.	Bảo đảm an toàn thông	1. Xây dựng các quy định về bảo đảm ATTT	Sở Thông tin và Truyền	Sở ngành, UBND cấp

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	tin	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các phương án bảo đảm ATTT - Xây dựng các phương án quản lý ATTT - Tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bảo đảm ATTT - Kiểm tra, đánh giá độc lập, định kỳ cho các hệ thống thông tin của tỉnh 	thông	huyện
24.		<p>2. Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm giám sát an toàn thông tin của tỉnh (SOC)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm phần cứng, phần mềm giải pháp SOC, ứng dụng giám sát an toàn an ninh - Cài đặt, kết nối SOC với các hệ thống cần giám sát - Kết nối hệ thống giám sát quốc gia - Đào tạo, chuyển giao 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở ngành, UBND cấp huyện
25.		<p>1. Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị CNTT, phần mềm phục vụ ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống mạng LAN tại các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã - Mua sắm phần cứng, phần mềm; đảm bảo các trang thiết bị đầu cuối (máy tính, máy in...) hoạt động ổn định - Thuê lắp đặt, cài đặt 	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố 	Sở Thông tin và Truyền thông Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính
26.	Bảo đảm cơ sở hạ tầng	<p>2. Bảo đảm hạ tầng (phát triển) Trung tâm tích hợp dữ liệu, bảo đảm sẵn sàng tái cấu trúc theo mô hình điện toán đám mây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch tổng thể phân các vùng mạng, lưu trữ, dự phòng - Quy hoạch mạng diện rộng của tỉnh. - Mua sắm bổ sung phần cứng (máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị an toàn bảo mật, thiết bị lưu trữ). - Mua sắm giải pháp kết nối với các mô hình điện toán đám mây. - Quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng. 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
27.		3. Triển khai Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh (xem xét theo phương án thuê dịch vụ)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính
28.		4. Đường truyền số liệu chuyên dùng, WAN, mạng Internet của các cơ quan nhà nước: - Mở rộng điểm kết nối, bảo đảm tốc độ và khả năng kết nối; - Bảo đảm vận hành ổn định, hiệu quả, có tính dự phòng và sẵn sàng cao không bị gián đoạn kết nối và được kiểm soát đến từng nút mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố
29.		5. Triển khai IPv6, tập trung chuyển đổi mạng lõi của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và hệ thống Chính quyền điện tử - Kế hoạch chuyển đổi; - Nâng cấp phần cứng, phần mềm, thiết bị chưa tương thích; - Cài đặt, cấu hình IPv6.	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố
30.		6. Duy trì, nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến - Bảo đảm cho phép sử dụng trên môi trường web, có khả năng kết nối với hệ thống họp không giấy tờ	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố
31.		Hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC (nâng cấp đường truyền, bổ sung các thiết bị ngoại vi, thiết bị quét mã vạch tích hợp với hệ thống phần mềm một cửa điện tử...; thí điểm công nghệ AI để xây dựng, triển khai ứng dụng Trợ lý ảo hỗ trợ công dân, doanh nghiệp khi tham gia đăng ký thực hiện các dịch vụ công trực tuyến).	Trung tâm PV HCC tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố

6. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Tổ chức thực hiện

a) Sở Thông tin và Truyền thông

- Là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định.

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết các hoạt động CQĐT của tỉnh Nam Định dựa trên Kiến trúc CQĐT phiên bản 2.0.
- Chủ trì xây dựng, ban hành các văn bản quy định, văn bản hướng dẫn, các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ thực hiện Kiến trúc CQĐT của tỉnh.
- Chủ trì xây dựng nền tảng tích hợp CQĐT của tỉnh Nam Định. Chủ trì việc triển khai tích hợp dịch vụ, ứng dụng đối với các hệ thống thông tin trong tỉnh Nam Định.
- Chủ trì nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh Nam Định; xây dựng danh mục dùng chung, kho dữ liệu tổng hợp của tỉnh vận hành CQĐT của tỉnh Nam Định.
- Thẩm định sự phù hợp của các kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT với Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định.
- Xây dựng, cập nhật và duy trì kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định (mô hình dữ liệu mức lô gíc, mô hình dữ liệu mức vật lý, mô tả chi tiết ứng dụng/dịch vụ dùng chung, chia sẻ theo SOA...) trình UBND tỉnh điều chỉnh kiến trúc nếu cần thiết.
- Đôn đốc việc triển khai các kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT phù hợp với Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định.

b) Sở Tài chính

- Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thường xuyên để triển khai thực hiện nhiệm vụ đề ra trong Kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.
- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu đề xuất, hướng dẫn, thẩm định các chương trình, đề cương và dự toán chi tiết, thuê dịch vụ CNTT, dự án... liên quan đến hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Sở Kế hoạch và đầu tư

- Tổng hợp các nội dung của chương trình vào nội dung quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, kế hoạch hàng năm để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Tham mưu báo cáo UBND tỉnh đưa các dự án thuộc chương trình vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Chủ trì, tham mưu phân bổ vốn đầu tư công hàng năm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan trong công tác thu hút, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chương trình; Khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển CNTT.

d) Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Kiến trúc đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện hành. Hàng năm đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử.

đ) Sở Xây dựng, Sở Tài Nguyên và Môi trường.

Phối hợp với Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông và các ngành có liên quan đề xuất địa điểm và phương án xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Chủ động triển khai các nhiệm vụ của ngành theo chỉ đạo của Trung ương trên cơ sở tích hợp với hệ thống CQĐT của tỉnh.

e) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

Chủ trì tham mưu, đề xuất xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm phù hợp với Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định; gửi Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định về sự phù hợp về Kiến trúc CQĐT tỉnh Nam Định và các quy định hiện hành./.